

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST

Ngày 27 – 10 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hóa.
2. Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 10 năm 2020, đối bị cáo:

Họ và tên: Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐT, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ1, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Ch, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 13/7/2020 đến ngày 28/9/2020 và từ ngày 01/10/2020 đến nay. Có mặt.

- Người làm chứng:

Ông L, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Khu phố TT, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân thị trấn LT. Có mặt.

Ông H1, sinh năm: 1984; nơi cư trú: Khu phố LT, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi làm việc: Công an thị trấn LT. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông H3, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Khu phố LH, thị trấn LT, huyện T, tỉnh

Bình Thuận. Nơi làm việc: Công an thị trấn LT. Có mặt.

Ông H2, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Khu phố LT2, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi làm việc: Công an thị trấn LT. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông H4, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Khu phố LT, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi làm việc: Công an thị trấn LT. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Đ2, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Thôn Phú Thuận, xã ĐT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi làm việc: Công an thị trấn LT. Có mặt.

Ông Ph, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Khu phố LH1, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi làm việc: Tổ Bảo vệ dân phố LH1, thị trấn LT. Có mặt.

Ông Th, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Khu phố LH2, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi làm việc: Ban chỉ huy Quân sự thị trấn LT. Vắng mặt không rõ lý do.

Ông L1– Dân quân thường trực. Vắng mặt không rõ lý do.

Bà Ch, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Xóm 1, thôn Đ, xã ĐT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Chị O, sinh năm: 1998; nơi cư trú: Xóm 1, thôn Đ, xã ĐT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Ông Ch1, sinh năm: 1962; nơi cư trú: Khu phố LHg1, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo theo Viện kiểm sát truy tố: Thực hiện kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn LT về “*Lập lại trật tự vỉa hè, lòng lề đường trên địa bàn thị trấn LT*”; Kế hoạch số 03/KHPH-CA-QS ngày 02/3/2020 của Công an- Quân sự thị trấn LT về “*Phối hợp lực lượng Công an- Quân sự tổ chức tuần tra đảm bảo ANTT tháng 03/2020*”, đã được Chủ tịch UBND thị trấn LT, huyện T phê chuẩn. Tổ công tác do ông Lê Đặng Đ làm tổ trưởng cùng với Công an thị trấn gồm: Ông H1 - Phó Trưởng Công an thị trấn; ông H3, ông H2, ông H4, ông Đ2 đều là Công an viên; Tổ bảo vệ dân phố gồm: Ông Ph và Ban chỉ huy quân sự thị trấn gồm: Ông Th - Phó chỉ huy, L1- Dân quân thường trực, tiến hành tuần tra trên tuyến đường 25/12 thuộc khu phố LT, thị trấn LT để lập lại trật tự vỉa hè, lòng lề đường. Khoảng 08 giờ 15 phút, Tổ công tác phát hiện bà Ch cùng với 02 người con là bị cáo Đ và chị O có hành vi buôn bán lấn chiếm vỉa hè, khu vực trước Trung

tâm Y tế huyện T. Đồng chí H3 yêu cầu dẹp đồ buôn bán vào trong sát vỉa hè. Bị cáo Đ không chấp hành mà đi đến xe bánh mì của bà Ch lấy 01 con dao dài 27,6cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại cầm trên tay và nói: “Đụ má, thằng nào hốt lên xe, tao chém”. Thấy Đ có hành vi chống đối, Tổ công tác đã tiến hành giải thích, thì Đ tiếp tục dùng dao đe dọa và nói: “Đụ má, thằng nào hốt lên xe, tao chém”. Lúc này, bà Ch giành lấy con dao cất đi thì Đ đi lấy lại con dao và tiếp tục đe dọa Tổ công tác và liên tục nói: “Đụ má, thằng nào hốt lên xe, tao chém”. Thấy vậy, ông Ch1 là người chạy xe ôm gần đó đến khuyên can Đ, ông Ch1 lấy con dao trên tay Đ cất trên xe bánh mì. Sau đó ông H3 cùng một số người khác trong Tổ công tác xông vào khống chế Đ. Thấy Đ bị khống chế, chị O đã xông vào tổ công tác lôi kéo, xô đẩy nhằm giải cứu cho Đ. Sau đó, Tổ công tác đã đưa bị cáo Đ về trụ sở Công an thị trấn LT để làm việc.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSND-TL ngày 21 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo Đ về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu ý kiến luận tội như sau: Khẳng định Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Chống người thi hành công vụ”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đ với mức án tù từ 06 – 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 – 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy các vật chứng trong vụ án.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và của Kiểm sát viên:

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra Viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó hoạt động tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, những người làm chứng: Ông H1, ông La Thanh H2, ông H4 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và những người làm chứng: Ông Ch1, ông Th, L1 vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, những người này đã khai báo đầy đủ, rõ ràng có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị cáo bị truy tố về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có khung hình phạt cao nhất đến 03 năm tù, là thuộc tội phạm ít nghiêm trọng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tội phạm được thực hiện tại khu phố LT, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 268 và khoản 1 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[4] Về định tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

- Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để xác định hành vi của bị cáo như sau:

Khoảng 08h15’ ngày 24/3/2020, Tổ công tác thuộc Cơ quan Ủy ban nhân dân thị trấn LT thực hiện công vụ lập lại trật tự, vỉa hè, lòng đường trên địa bàn thị trấn LT. Trong lúc đi tuần tra, phát hiện bị cáo Đ, bà Ch (Là mẹ ruột của bị cáo Đ) và chị O (Là em ruột của bị cáo Đ) có hành vi buôn bán lấn chiếm vỉa hè tại khu vực trước Trung tâm Y tế huyện T thuộc khu phố LT, thị trấn LT. Ông H3 – Là thành viên Tổ công tác đã yêu cầu dời đồ buôn bán vào trong khu vực được phép buôn bán. Bị cáo Đ và chị O đã dời 01 cái bàn vào bên trong, còn lại 01 cái bàn vẫn để lấn chiếm vỉa hè. Ông H3 tiếp tục nhắc nhở nhưng bị cáo Đ không chấp hành mà đi đến xe bánh mì của bà Ch lấy 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại cầm trên tay chỉ về hướng Tổ công tác đe dọa và có lời nói đe dọa nếu tạm giữ đồ buôn bán của Đ thì Đ sẽ chém Tổ công tác. Thấy Đ có hành vi chống đối, Tổ công tác tiến hành giải thích, đồng thời bà Ch đã lấy con dao cắt đi nhưng Đ vẫn đi lấy lại con dao và tiếp tục cầm

dao đe dọa Tổ công tác. Sau đó, ông Ch1 khuyên bảo, lấy dao của bị cáo Đ cất đi và Tổ công tác khống chế Đ đưa về trụ sở Công an thị trấn LT làm việc.

Ngày 24/3/2020, Tổ công tác lập lại trật tự, vỉa hè, lòng đường trên địa bàn thị trấn LT thuộc Cơ quan Ủy ban nhân dân thị trấn LT thực hiện công vụ theo kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn LT và Kế hoạch số 03/KHPPH-CA-QS ngày 02/3/2020 của Công an - Quân sự thị trấn LT đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn LT phê chuẩn. Khi thực hiện công vụ đã mặc đúng trang phục, quân phục theo quy định. Khi phát hiện bị cáo Đ vi phạm, đã tiến hành nhắc nhở, giải thích, yêu cầu thực hiện đúng phạm vi buôn bán quy định. Do đó Tổ công tác đã thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ của mình.

Bị cáo Đ có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Khi Tổ công tác đến nhắc nhở, bị cáo biết Tổ công tác đang thi hành công vụ nhưng bị cáo không chấp hành mà có hành vi đe dọa dùng vũ lực và có lời nói đe dọa cản trở Tổ công tác thi hành công vụ. Do đó, hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” quy định tại Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Đ không có tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân huyện T truy tố bị cáo Đ phạm tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn, hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo bị bệnh động kinh hiểm trọng và trình độ học vấn thấp phần nào cũng ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng.

- Hành vi của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, cụ thể là hoạt động quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân thị trấn LT; làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó cần xét xử bị cáo nghiêm minh theo quy định của Pháp luật hình sự, tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo nhất thời phạm tội ít nghiêm trọng; bị cáo bị bệnh viêm não nhật bản từ nhỏ, di chứng bệnh động kinh đến nay vẫn phải điều trị. Hơn nữa, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo cải tại không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017), xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, cho bị cáo được tự cải tạo rèn luyện bản thân và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục đối với bị cáo cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời cho bị cáo có điều kiện để tiếp tục điều trị bệnh động kinh là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; hiện nay chỉ phụ giúp gia đình buôn bán nhỏ lẻ, không có thu nhập ổn định, bị cáo hiện đang bị bệnh động kinh và vẫn đang phải điều trị. Do đó, cần áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sự việc xảy ra làm ông H1 – Là thành viên Tổ công tác bị trầy xước da nông phần cổ bên phải. Ngày 28/8/2020, ông H1 có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Các vật chứng thu thập trong vụ án gồm: 01 con dao dài 27,6cm, cán bằng gỗ màu vàng kích thước (12 x 3,7 x 0,1cm), lưỡi dao bằng kim loại kích thước (17,1 x 0,1cm), mũi dao có 01 lỗ tròn có kích thước 1cm; 01 đôi dép màu đỏ trắng, nhãn hiệu “NIKE”; 01 khẩu trang vải màu trắng xanh, nhãn hiệu “19-5”.

Xét thấy, những vật chứng này là phương tiện phạm tội, là vật không có giá trị sử dụng. Do đó cần xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Về án phí:

Cần buộc bị cáo Đ phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối hành vi chị O đã xông vào xô đẩy, lôi kéo Tổ công tác khi bị cáo Đ bị Tổ công tác không chế. Xét thấy, ngay từ lúc đầu và trong suốt quá trình Tổ công tác thực hiện công vụ, chị O đã nghiêm chỉnh chấp hành, không có hành vi cũng như lời nói chống đối, cản trở Tổ công tác thực hiện công vụ, chị O cũng có lời nói khuyên bảo, can ngăn bị cáo Đ; chỉ đến khi thấy Tổ công tác không chế bị cáo Đ, chị O sợ bị cáo Đ bị bắt nên mới xông vào lôi kéo, xô đẩy Tổ công tác. Hành vi của chị O là hành vi bộc phát, xuất phát từ tình cảm gia đình, không nhằm chống lại Tổ công tác, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an huyện T không khởi tố đối với chị O và chuyển xử lý hành chính là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết.

- Đối hành vi chị O lôi kéo làm ông H1 bị trầy xước da nông bên phải phần cổ. Ngày 28/8/2020, ông H1 có đơn từ chối giám định thương tích. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không khởi tố, điều tra đối với hành vi gây thương tích cho ông H1 là phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh:

Căn cứ vào Điều 330 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đ 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện T, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện T, tỉnh Bình Thuận trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Đ.

Trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Về vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, tiêu hủy tất cả các vật chứng gồm: 01 con dao dài 27,6cm, cán bằng gỗ màu vàng có kích thước (12 x 3,7 x 0,1cm), lưỡi dao bằng kim loại có kích thước (17,1 x 0,1cm), mũi dao có 01 lỗ tròn có kích thước 1cm; 01 đôi dép màu đỏ trắng, nhãn hiệu “NIKE”; 01 khẩu trang vải màu trắng xanh, nhãn hiệu “19-5”.

Các vật chứng này hiện đang được giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2020 (Bút lục số 163).

Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Đ phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai; bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/10/2020). *(Đã giải thích quyền kháng cáo).*

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CQCSĐT CA.huyện T;
- CQ THAHS CA H. Tánh Linh;
- NTG CA huyện T;
- UBND xã ĐT (thay TB);
- UBND TT.LT (thay TB);
- Sở TP tỉnh Bình Thuận;
- CC THA DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn VP, lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Khánh